

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án Hồ Suối Cái**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 5205/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Ba và vùng phụ cận giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 3193/QĐ-BNN-KH ngày 19/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và số 4304/QĐ-BNN-KH ngày 07/11/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ Suối Cái;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Phú Yên: Số 10/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 về chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Phú Yên; số 32/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Phú Yên: Số 1839/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Phú Hòa; số 05/2022/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 về phân cấp quản lý, khai thác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên; số 13/GP-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt dự án Hồ Suối Cái;*

*Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Phú Yên: Số 2553/UBND-ĐTĐD ngày 30/5/2022 về việc nội dung đầu tư và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án hồ Suối Cái; số 4692/UBND-KT ngày 13/9/2022 về việc bố trí vốn địa phương để đầu tư hoàn thành dự án Hồ Suối Cái;*

*Căn cứ Quyết định số 2330/QĐ-BTNMT ngày 12/9/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hồ Suối Cái;*

*Xét Tờ trình số 186/TTr-BQL ngày 12/10/2022 của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hồ Suối Cái, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại các báo cáo thẩm định số 1577/BC-XD-TĐ ngày 26/10/2022, số 1638/BC-XD-TĐ ngày 07/11/2022 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Dự án Hồ Suối Cái với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Hồ Suối Cái.

**2. Người quyết định đầu tư:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên.

**4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:**

a) Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng hồ Suối Cái và hệ thống đường ống dẫn nước để trữ nước và cấp nước tưới nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho người dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; duy trì dòng chảy môi trường các tháng mùa khô; góp phần giảm lũ hạ du.

b) Nhiệm vụ dự án:

Đảm bảo cấp nước tưới cho 900 ha đất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 10.000 người.

c) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Biện pháp công trình: Xây dựng hồ Suối Cái và hệ thống đường ống dẫn nước đến khu hưởng lợi.

- Vùng tuyến:

+ Vùng tuyến công trình đầu mối: vùng tuyến II ở hạ lưu.

+ Vùng tuyến đường ống dẫn nước chính: Xuất phát từ cuối cống lấy nước phía vai trái đập đi men theo tuyến đường dân sinh hiện có đến khu tưới.

- Giải pháp kỹ thuật công trình: (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

+ Hồ chứa nước: Dung tích toàn bộ  $W_{tb}=10,27$  triệu  $m^3$ , dung tích hữu ích  $W_{hi}=9,97$  triệu  $m^3$ , dung tích chết  $W_c=0,30$  triệu  $m^3$ ; các mực nước thiết kế: MNDBT +85,00m; MNC +64,00 m;

+ Đập đầu mối: Đập đất nhiều khối, chiều dài đỉnh 329,0 m; cao trình đỉnh đập +88,0m; cao trình đỉnh tường chắn sóng + 88,80m; bề rộng đỉnh 6,0m; chiều cao đập lớn nhất  $H_{max}=34,0m$ ;

+ Kết cấu đập đất, gồm 02 khối: Khối đập thượng lưu có hệ số thấm  $K_t \leq 1 \times 10^{-5}$  cm/s, dung trọng thiết kế  $\gamma_K \geq 1,74$  T/ $m^3$ , hệ số đầm chặt  $K_c \geq 0,97$ ; khối đập hạ lưu có dung trọng thiết kế  $\gamma_K \geq 1,85$  T/ $m^3$ , hệ số đầm chặt  $K_c \geq 0,97$ . Mái thượng lưu  $m=2,75$ ; 3,25 và 3,75, bảo vệ mái bằng tấm BTCT. Mái hạ lưu trồng cỏ,  $m=2,5$ ; 3,0 và 3,5. Bố trí cơ thượng hạ lưu ở cao trình +78,0m; +68,0m chiều rộng cơ 3,5m. Tiêu thoát nước thân đập kiểu gối phẳng và đóng đá hạ lưu; xử lý nền đập bằng chân khay và khoan phụt vữa;

+ Tràn xả lũ: Bố trí ở vai trái đập đất, dạng tràn thực dụng có cửa van cung điều tiết, gồm: 02 cửa van cung kích thước  $n \times (B \times H) = 2 \times (5 \times 6)m$ , lưu lượng xả lũ thiết kế  $Q_{(P=1,0\%)}=348m^3/s$ , lượng xả lũ kiểm tra  $Q_{(P=0,2\%)}=439m^3/s$ , kết cấu BTCT; nối tiếp dốc nước và tiêu năng đáy;

+ Công lấy nước: Bố trí ở vai trái đập đất, công chảy có áp, lưu lượng thiết kế  $Q_{tk}=0,73$   $m^3/s$ , cao trình ngưỡng +62,0m, chiều dài công 171,0m, kết cấu BTCT và ống thép D1000mm bọc BTCT.

+ Hệ thống đường ống dẫn nước chảy có áp, bao gồm: Đường ống chính, đường ống chính Đông, đường ống chính Tây với tổng chiều dài 10,0 km, đường kính ống  $D=500 \div 800mm$  và hệ thống đường ống cấp 1 có diện tích phụ trách tưới  $F > 50ha$  với tổng chiều dài 4,25km, đường kính  $D=160 \div 355mm$  và các công trình trên kênh; kết cấu vật liệu đường ống: thép, HDPE, vật liệu composite.

+ Công trình phục vụ thi công: Kênh dẫn dòng; đê quai thượng, hạ lưu; các đường thi công nội bộ; bãi vật liệu đất đắp (05 bãi trong lòng hồ; các bãi 6,7 ngoài lòng hồ),...;

+ Công trình phục vụ quản lý vận hành: (i) Đường quản lý vận hành kết hợp thi công: chiều dài khoảng  $L=7,5km$ , chiều rộng nền đường 6m, chiều rộng mặt đường 3,5m, đường giao thông nông thôn loại A (theoTCVN 10380:2014); mặt đường kết cấu dăm cấp phối; (ii) Đường tránh ngập lòng hồ: chiều dài khoảng  $L=3,78$  km, chiều rộng nền đường 4m, chiều rộng mặt đường 3m, đường giao thông nông thôn cấp B; mặt đường kết cấu đất cấp phối; (iii) Khu nhà quản lý: 01 nhà quản lý công trình, nhà cấp IV, diện tích 120 $m^2$ , trang thiết bị kèm theo; (iv) hệ thống thông tin liên lạc; trang thiết bị phục vụ quản lý, vận hành.

+ Thiết bị cơ khí: (i) Trần xả lũ gồm: 02 cửa van cung BxH = (5,0 x 6,50) m, đóng mở bằng xi lanh thủy lực, phai sửa chữa nx(BXH)=7x(5,0x1,1)m; (ii) Cống lấy nước, gồm: lưới chắn rác, 2 cửa van phẳng ở thượng lưu kích thước BxH = (1,0x1,2)m, nâng hạ bằng máy vít V10, thân cống là ống thép dài 113,0 m; đường kính D= 800÷1000mm.

+ Hệ thống điện: (i) Điện thi công kết hợp vận hành: Xây dựng mới tuyến đường dây 22KV từ điểm đầu nối đến hạ lưu tràn xả lũ dài khoảng 2,30 km, trạm biến áp 160KVA đặt tại khu đầu mối; (ii) Điện vận hành: máy phát điện dự phòng; hệ thống điện điều khiển vận hành cửa lấy nước, cửa tràn; hệ thống chiếu sáng.

+ Thiết bị quan trắc: Gồm các loại quan trắc chuyển vị, quan trắc thấm, quan trắc lún,..

+ Hệ thống điều khiển, giám sát tự động (Scada) phục vụ công tác quản lý vận hành.

**5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở:** Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi 3.

**6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:**

- Địa điểm xây dựng: Huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Diện tích sử dụng đất: 189,85 ha.

**7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:**

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cấp công trình và tần suất thiết kế (theo QCVN 04-05:2012/BNNT): Công trình đầu mối cấp II; hệ thống dẫn nước cấp IV; tần suất đảm bảo cấp nước tưới P=85%; tần suất đảm bảo cấp nước sinh hoạt P=90%; tần suất lũ thiết kế P=1,0%; tần suất lũ kiểm tra P= 0,2%; tần suất dẫn dòng thi công P= 10%.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:**

- Số bước thiết kế:
- + Các hạng mục thuộc cụm công trình đầu mối (Đập đất, tràn xả lũ và cống lấy nước,...): Thiết kế 03 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công).
- + Các hạng mục còn lại: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

**9. Khối lượng chính**

| STT | Hạng mục         | Đơn vị         | Khối lượng |
|-----|------------------|----------------|------------|
| 1   | Đất đào          | m <sup>3</sup> | 300.136    |
| 2   | Đá đào           | m <sup>3</sup> | 153.176    |
| 3   | Đất đắp          | m <sup>3</sup> | 813.709    |
| 4   | Bê tông các loại | m <sup>3</sup> | 36.895     |

| STT | Hạng mục            | Đơn vị         | Khối lượng |
|-----|---------------------|----------------|------------|
| 5   | Ván khuôn           | m <sup>2</sup> | 42.863     |
| 6   | Dăm                 | m <sup>3</sup> | 15.595     |
| 7   | Cát                 | m <sup>3</sup> | 32.596     |
| 8   | Đá xây              | m <sup>3</sup> | 1.021      |
| 9   | Đá lát khan, đá hộc | m <sup>3</sup> | 10.590     |
| 10  | Thép                | Tấn            | 1.049      |

### **10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 487.210.000.000 đồng**

*(Bằng chữ: Bốn trăm tám bảy tỷ, hai trăm mười triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 71.378.524.000 đồng
- Chi phí xây dựng: 277.977.945.000 đồng
- Chi phí thiết bị: 13.446.361.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 4.530.323.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 31.338.508.000 đồng
- Chi phí khác: 25.062.910.527 đồng
- Chi phí dự phòng: 63.475.429.000 đồng

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)*

**11. Tiến độ thực hiện dự án:** Chuẩn bị dự án: 2020-2022; thực hiện dự án: 2023-2026.

**12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:**

a) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý là 450 tỷ đồng để: (i) Xây dựng cụm công trình đầu mối; (ii) Đường ống dẫn nước chính và Hệ thống đường ống dẫn nước khu tưới phía Tây (gồm đường ống chính Tây và các đường ống cấp 1 có diện tích tưới  $F \geq 50$  ha); (iii) thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí tư vấn và các chi phí khác có liên quan của toàn dự án.

- Vốn Ngân sách địa phương là 37,21 tỷ đồng để đầu tư xây dựng Hệ thống đường ống dẫn nước khu tưới phía Đông (gồm đường ống chính Đông, các đường ống cấp 1 có diện tích tưới  $F \geq 50$  ha) bao gồm cả dự phòng hạng mục.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Vốn Ngân sách Trung ương: 450 tỷ đồng, trong đó: 2021-2025 là 300 tỷ đồng; vốn còn lại bố trí trong giai đoạn 2026-2030.

- Vốn Ngân sách địa phương: 37,21 tỷ đồng, bố trí trong giai đoạn 2021-2025.

**13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

**14. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

- Phạm vi giải phóng mặt bằng gồm: lòng hồ; mặt bằng xây dựng công trình đầu mối, hệ thống kênh, các đường thi công, đường quản lý vận hành, đường tránh ngập, các bãi vật liệu số 6, số 7 ngoài lòng hồ và các công trình phụ trợ khác với diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình là 189,85 ha.

- Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

+ Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: đất rừng 78,64 ha; đất lúa khoảng 0,41 ha; đất cây hàng năm khác 94,29 ha, đất khác 16,51 ha.

+ Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ dân bị ảnh hưởng 221 hộ, không có hộ dân phải di dời.

+ Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 71,379 tỷ đồng.

+ Dự kiến tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án: Bàn giao mặt bằng cho dự án trong quý III/2023.

+ Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan; tiền bảo vệ phát triển đất lúa, kiểm toán, thẩm tra quyết toán... được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

**15. Những lưu ý giai đoạn sau:**

- Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, tối ưu các giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục công trình; tối ưu hóa chiều sâu, số hàng khoan phụt chống thấm nền đập,...đảm bảo kinh tế, kỹ thuật và an toàn công trình.

- Đối với đất đắp đập:

+ Cần khảo sát kỹ về trữ lượng, chất lượng, rà soát sử dụng tối đa đất đắp đập trong lòng hồ để hạn chế diện tích giải phóng mặt bằng. Chủ đầu tư lưu ý về đơn giá giữa các khối đất đắp trong trường hợp dung trọng thực tế có sự thay đổi so với thiết kế, ảnh hưởng tới công tác quản lý chi phí xây dựng, quản lý hợp đồng, thanh quyết toán.

+ Giai đoạn tiếp theo cần nghiên cứu chi tiết giải pháp kỹ thuật để đảm bảo đường bão hòa trong thân đập không đi qua phạm vi phần khối đắp hạ lưu có tính tan rã từ trung bình đến mạnh làm giảm chỉ tiêu cơ lý đất đắp thiết kế.

- Căn cứ điều kiện địa hình, địa chất và giá thành vật liệu tiếp tục so sánh các phương án kết cấu vật liệu đường ống trong đó có phương án kết hợp các loại kết cấu vật liệu để lựa chọn phương án tối ưu đảm bảo tính kinh tế - kỹ thuật; rà soát vị trí, số lượng, mức độ ổn định của các van cấp nước và các công trình trên tuyến.

- Lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng bước TKKT, thiết kế BVTC; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá, giá xây dựng công trình khi lập dự toán. Lưu ý các quy định về việc xác định định mức dự toán mới, điều chỉnh định mức dự toán để áp dụng cho công trình theo quy định tại Điều 21 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.
- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.
- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; về quản lý chi phí, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và chất lượng xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

### **1. UBND tỉnh Phú Yên:**

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan: (i) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện, đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; (iv) có quyết định giao đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác theo quy định.
- Chỉ đạo các ban, ngành địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên trong quá trình thực hiện công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ.
- Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với tiến độ đầu tư, xây dựng dự án. Quá trình thực hiện, trường hợp công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vượt kinh phí được phê duyệt tại Tổng mức đầu tư, UBND Tỉnh chịu trách nhiệm tiếp tục bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện theo cam kết tại văn bản số 4692/UBND-KT ngày 13/9/2022 để hoàn thành dự án.
- Huy động các nguồn vốn hợp pháp đầu tư xây dựng hệ thống kênh nội đồng để phát huy đồng bộ hiệu quả dự án.

**2. Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ đầu tư; chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.**

**3.** Cục Quản lý xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

**4.** Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Phú Yên;
- Kho bạc NN Phú Yên;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**